

Bản án số: 27/2024/TCDS – ST
Ngày 01/8/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
Dịch vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lương Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.
2. bà Hà Thị Thanh Liêm.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Chăm Việt Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 07 và 01 tháng 08 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST- DS, ngày 22 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST – TCDS, ngày 18 tháng 01 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST – TCDS, ngày 26 tháng 02 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST – TCDS, ngày 01 tháng 4 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST – TCDS, ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Thông báo thời gian tiếp tục phiên tòa số 17/2024/TB – TA, ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty LTT; địa chỉ: số 59, ngõ 193 – Trung Kính – Yên Hòa – Cầu Giấy – TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: bà Dương Thị H – Giám đốc. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Giang Lê L và bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: tổ 06, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các ý kiến của Nguyên đơn có trong hồ sơ thể hiện:

Theo đơn mời luật sư của ông Giang Lê L, bà Nguyễn Thị H thì cháu Giang Thùy L, học lớp 9A Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An - Đại học Tây Bắc là con gái của ông bà trong năm học 2017 – 2018 bị nhà trường xếp loại hạnh kiểm “Trung bình”, với lý do bị hạ hạnh kiểm là cháu tô son môi và bị thu giấy nháp trong lúc thi học kỳ môn Hóa, việc hạ hạnh kiểm cháu L là quá nặng, không thỏa đáng, làm ảnh hưởng đến việc thi vào cấp III của cháu nên gia đình ông bà L– H đã làm đơn mời Công ty LTT (Cty LTT) để bảo vệ quyền lợi cho cháu L.

Ngày 08 tháng 06 năm 2018, bên thuê dịch vụ ông Giang Lê L, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969, trú tại tổ 6, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (bên A) – (Là bố mẹ đẻ của cháu Giang Thùy L, là học sinh lớp 9A năm học 2017 - 2018 của Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An - Đại học Tây Bắc) và bên thực hiện dịch vụ Công ty LTT (bên B) - Đại diện bởi bà Dương Thị H, Chức vụ: Giám đốc - Luật sư, cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý với các điều khoản sau đây:

“ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Bên A sử dụng dịch vụ của Bên B để Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Giang Thùy L trong vụ việc cháu L bị nhà trường hạ hạnh kiểm xuống mức "Trung Bình".

ĐIỀU 2. THỜI HẠN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Từ ngày ký hợp đồng đến khi hoàn thành công việc.

ĐIỀU 3. CHI PHÍ, THÙ LAO LUẬT SƯ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN, THỜI HẠN THANH TOÁN

Được quy định chi tiết tại Phụ lục của Hợp đồng này”.

Tại Phụ lục hợp đồng dịch vụ pháp lý số 0806/PLHĐDVPLY – TT/2018, ngày 08/6/2018 giữa bên A và bên B ký kết: “Điều 1. Chi phí thù lao luật sư: Chi phí của hợp đồng là 50.000.000,đ;... Thuế: Các khoản chi phí luật sư, thù lao luật sư ... không bao gồm các khoản thuế giá trị gia tăng (VTA); . Điều 2. Phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán: Khi ký hợp đồng: Thanh toán 25.000.000,đ (Hai mươi lăm triệu đồng); Trường hợp không phát sinh phiên tòa: Thanh toán nốt số tiền 25.000.000,đ (Hai mươi lăm triệu đồng)”.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty LTT đã cử đại diện cùng với gia đình ông bà L– H đến làm việc tại Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An - Đại học Tây Bắc, tại buổi làm việc ngày 09/6/2018 về việc xét lại hạnh kiểm

cho cháu Giang Thùy L có kết quả như sau: “*Xếp loại hạnh kiểm cả năm, năm học 2017 – 2018: Khá (K)*”. Với kết quả xếp loại hạnh kiểm này thì cháu Giang Thùy L đủ điều kiện để dự thi vào các trường THPT (cấp III) trên địa bàn thành phố Sơn La, trong đó bao gồm cả Trường THPT Chuyên Sơn La và Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An - Đại học Tây Bắc.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên B đã thực hiện xong nhiệm vụ của mình và đã được bên A thanh toán trước số tiền 25.000.000,đ, còn lại số tiền 25.000.000,đ thì ông Lương, bà Hưng không thanh toán nốt, mặc dù bên B đã nhiều lần yêu cầu bên A trả tiền.

Tại văn bản số 3012/2023/CV-TT, ngày 30/12/2023 của Công ty LTT có yêu cầu ông Giang Lê L, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán nốt chi phí luật sư còn nợ là 25.000.000,đ (Hai mươi lăm triệu đồng); trả tiền thuế VAT theo chính sách thuế hiện tại là 8% tính trên tổng giá trị của hợp đồng 50.000.000,đ là 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng) và số tiền lãi xuất của số tiền 25.000.000,đ ông bà Lương, Hưng chưa thanh toán trả nốt nợ tính từ ngày 09/6/2018 tạm tính đến 09/6/2024 (06 năm) với mức lãi xuất là 10%/năm là 15.000.000,đ (Mười lăm triệu đồng) tiền lãi xuất. Tổng cộng là 44.000.000,đ (Bốn mươi bốn triệu đồng).

Trong quá trình tố tụng và tại các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến của bị đơn ông Giang Lê L thể hiện:

Khi con gái của ông là cháu Giang Thùy L đang học lớp 9A, Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An - Đại học Tây Bắc, có học lực tốt, ngoan ngoãn, lễ phép nhưng trong quá trình học bị cô giáo bộ môn Lịch sử do có xích mích cá nhân nên đã đánh tụt hạnh kiểm của cháu L để cháu L không đủ điều kiện thi vào cấp III, sau đó gia đình đã mời Công ty LTT ký hợp đồng để bảo vệ quyền lợi cho cháu L với nội dung: Xem xét, xác minh lý do gì cháu L bị xếp loại hạnh kiểm sai sự thật; Trường hợp con gái không vi phạm như kết quả đánh giá của Nhà trường thì gia đình yêu cầu cô giáo bộ môn Lịch sử và Nhà trường phải đền bù danh dự cho gia đình và con gái của ông bà; Buộc cô giáo dạy bộ môn Lịch sử phải công khai xin lỗi gia đình và cháu L trước Ban giám hiệu Nhà trường và toàn thể học sinh cùng khối; Công ty LTT phải công khai đưa vụ việc trên lên truyền hình và báo chí Sơn La.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty LTT chỉ thực hiện được một phần là đòi lại hạnh kiểm cho cháu L, còn các nội dung khác thì chưa thực hiện. Gia đình đã thanh toán cho Công ty LTT số tiền 25.000.000,đ. Do Công ty LTT chưa hoàn thành hợp đồng nên gia đình ông không nhất trí thanh toán nốt số tiền 25.000.000,đ còn lại. Đối với số tiền thuế VAT 10% của hợp đồng là 5.000.000,đ thì ông không nhất trí thanh toán trả vì không nằm trong hợp đồng.

Tại biên bản xác minh ngày 23/9/2023 tại Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An - Đại học Tây Bắc thể hiện:

Vào ngày 09/6/2018, đại diện của Nhà trường có tiên hành họp xét giải quyết đơn đề nghị của phụ huynh và tập thể lớp 9A về việc xét lại hạnh kiểm của học sinh Giang Thùy L. Thành phần tham dự gồm có đại diện Ban giám

hiệu Nhà trường, hai giáo viên, đại diện gia đình cháu L và Luật sư do gia đình ông Lương, bà Hưng mời đến để bảo vệ quyền lợi cho cháu L.

Kết quả của cuộc họp thì học sinh Giang Thùy L được xếp loại hạnh kiểm Khá và đủ điều kiện để học sinh Giang Thùy L dự thi vào Trường THPT Chuyên Sơn La và Trường THPT (cấp III) Chu Văn An.

Trước đó hạnh kiểm của học sinh Giang Thùy L là hạnh kiểm Trung bình, ở mức hạnh kiểm Trung bình thì em Linh không đủ điều kiện để được thi vào Trường THPT Chuyên Sơn La và Trường THPT (cấp III) Chu Văn An – Đại học Tây Bắc.

Tại Công văn số 208/CCTKV – TTTB, ngày 23/5/2024 của Chi cục Thuế khu vực thành phố Sơn La – Mường La nêu về việc Công ty LTT có thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT – VAT) không và nếu có là bao nhiêu % thể hiện:

“Căn cứ Điều 3, Điều 5 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2014; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015; Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016 quy định:

“Điều 3. Đối tượng chịu thuế

Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này.

...

Điều 5. Đối tượng không chịu thuế (quy định về dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế) bao gồm:

“1...

8. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán ...

9. Dịch vụ y tế, dịch vụ thú y, bao gồm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho người và vật nuôi; dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật.

10. Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập theo chương trình của Chính phủ.

11. Dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ.

12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.

...

19. Hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam ...”

Căn cứ các quy định nêu trên dịch vụ bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng của Công ty TNHH Luật Tài Trung thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

2. Về thuế suất thuế GTGT của dịch vụ bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng

Căn cứ Điều 9, Điều 10, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính quy định:

“Điều 9. Thuế suất 0%

1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này. ...

Điều 10. Thuế suất 5%

...

4. Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp (trừ nạo, vét kênh mương nội đồng được quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này).

Dịch vụ sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp gồm phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt, xay sát, bảo quản lạnh, ướp muối và các hình thức bảo quản thông thường khác theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

...

15. Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ; chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội theo hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ quy định tại Luật Khoa học và công nghệ, không bao gồm trò chơi trực tuyến và dịch vụ giải trí trên Internet. ...”

Tại Điều 11, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT quy định:

“Điều 11. Thuế suất 10%

Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này. ”

Căn cứ các quy định nêu trên dịch vụ bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng của Công ty TNHH Luật Tài Trung thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 10%”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thụ lý đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng trong vụ án; Tòa án đã thực hiện việc thu thập, xác minh các tài liệu chứng cứ và giao nhận, công khai các tài liệu chứng cứ cũng như tổng đạt, niêm yết các bản theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các: điều 147, điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 118, 119, 280, 281, 357, 468, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 của Bộ luật dân sự; điều 306 Luật Thương mại; điểm b khoản 1 điều 24, khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Giang Lê L và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty LTT số tiền 25.000.000,đ tiền gốc, 14.940.000,đ tiền lãi xuất chậm trả và thuế VAT (giá trị gia tăng) là 4.000.000,đ. Tổng cộng là 43.940.000,đ (Bốn mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng)

Về án phí: Buộc bà ông Giang Lê L và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, bị đơn cư trú tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

[2] Về pháp luật tố tụng và áp dụng pháp luật nội dung: Tại phiên tòa, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do (Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập hợp lệ). Căn cứ khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử và không hoãn phiên tòa.

Sự kiện pháp lý xảy ra từ năm 2018, vì vậy cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 08 tháng 06 năm 2018, vợ chồng ông Giang Lê L và bà Nguyễn Thị H, là bố mẹ đẻ của cháu Giang Thùy L, là học sinh lớp 9A năm học 2017 - 2018 của Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An - Đại học Tây Bắc và Công ty LTT - Đại diện bởi bà Dương Thị H, Chức vụ: Giám đốc - Luật sư, cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý với đề Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Giang Thùy L trong vụ việc cháu L bị nhà trường hạ hạnh kiểm xuống mức "Trung Bình". Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty LTT đã cử đại diện cùng với gia đình ông bà L- Đến làm việc tại Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An - Đại học Tây Bắc, tại buổi làm việc ngày 09/6/2018 về việc xét lại hạnh kiểm cho cháu Giang Thùy L có kết quả như sau: “*Xếp loại hạnh kiểm cả năm, năm học 2017 – 2018: Khá (K)*”. Với kết quả xếp loại hạnh kiểm này thì cháu Giang Thùy L đủ điều kiện để dự thi vào các trường THPT (cấp III) trên địa bàn thành phố Sơn La bao gồm cả Trường Chuyên Sơn La và Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An - Đại học Tây Bắc. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 09/6/2018 Công ty Luật Tài Trung đã thực hiện xong nhiệm vụ của mình và đã được bên A thanh toán trước số tiền 25.000.000,đ, còn lại số tiền 25.000.000,đ thì ông Lương, bà Hưng không thanh toán nốt, mặc dù bên B đã nhiều lần yêu cầu bên A trả tiền.

Công ty Luật Tài Trung có yêu cầu ông Lương, bà Hưng phải thanh toán nốt chi phí luật sư còn nợ là 25.000.000,đ (Hai mươi lăm triệu đồng); trả tiền thuế VAT theo chính sách thuế hiện tại là 8% tính trên tổng giá trị của hợp đồng 50.000.000,đ là 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng) và số tiền lãi xuất của số tiền 25.000.000,đ ông bà Lương, Hưng chưa thanh toán trả nốt nợ tính từ ngày 09/6/2018 tạm tính đến 09/6/2024 (06 năm) với mức lãi xuất là 10%/năm là 15.000.000,đ (Mười lăm triệu đồng) tiền lãi xuất. Tổng cộng là 44.000.000,đ (Bốn mươi bốn triệu đồng).

Bị đơn không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng khi con gái của bị đơn là cháu Giang Thùy L đang học lớp 9A, Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An - Đại học Tây Bắcnhung trong quá trình học bị cô giáo bộ môn Lịch sử do có xích mích cá nhân nên đã đánh tụt hạnh kiểm của cháu L để cháu L không đủ điều kiện thi vào cấp III, sau đó gia đình đã mời Công ty LTT ký hợp đồng để bảo vệ quyền lợi cho cháu L với nội dung: Xem xét, xác minh lý do gì cháu L bị xếp loại hạnh kiểm sai sự thật; Trường hợp con gái không vi phạm như kết quả đánh giá của Nhà trường thì gia đình yêu cầu cô giáo bộ môn Lịch sử và Nhà trường phải đền bù danh dự cho gia đình và con gái của ông bà; Buộc cô giáo dạy bộ môn Lịch sử phải công khai xin lỗi gia đình và cháu L trước Ban giám hiệu Nhà trường và toàn thể học sinh cùng khối; Công ty LTT phải công khai đưa vụ việc trên lên truyền hình và báo chí Sơn La. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty LTT chỉ thực hiện được một phần là đòi lại hạnh kiểm cho cháu L, còn các nội dung khác thì chưa thực hiện. Gia đình đã thanh toán cho Công ty LTT số tiền 25.000.000,đ. Do Công ty LTT chưa hoàn thành hợp đồng nên gia đình ông không nhất trí thanh toán nốt số tiền 25.000.000,đ còn lại, đối với số tiền thuế VAT 10% của hợp đồng là 5.000.000,đ thì gia đình không nhất trí thanh toán trả vì không nằm trong hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 08/6/2018 giữa Nguyên đơn và bị đơn có ký lập hợp đồng với nhau để bảo vệ quyền lợi cho con gái của bị đơn là cháu Giang Thùy L do cháu L bị hạnh kiểm ở mức “Trung bình”. Tại các điều khoản của hợp đồng thể hiện: **“ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ**

Bên A sử dụng dịch vụ của Bên B để Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Giang Thùy L trong vụ việc cháu L bị nhà trường hạ hạnh kiểm xuống mức "Trung Bình".

ĐIỀU 2. THỜI HẠN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Từ ngày ký hợp đồng đến khi hoàn thành công việc.

ĐIỀU 3. CHI PHÍ, THÙ LAO LUẬT SƯ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN, THỜI HẠN THANH TOÁN

Được quy định chi tiết tại Phụ lục của Hợp đồng này”.

Tại Phụ lục hợp đồng dịch vụ pháp lý số 0806/PLHĐDVPY – TT/2018, ngày 08/6/2018 giữa bên A và bên B ký kết: “Điều 1. CHI PHÍ VÀ THÙ LAO LUẬT SƯ: Chi phí của hợp đồng là 50.000.000,đ. Điều 2. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN, THỜI HẠN THANH TOÁN: Khi ký hợp đồng: Thanh toán 25.000.000,đ (Hai mươi lăm triệu đồng); Trường hợp không phát sinh phiên tòa: Thanh toán nốt số tiền 25.000.000,đ (Hai mươi lăm triệu đồng)...”. Sau khi ký hợp đồng, ngày 09/6/2018, đại diện Công ty Luật Tài Trung cùng với đại diện gia đình ông Lương và đại diện Nhà trường Chu Văn An đã tiến hành họp, làm việc liên quan đến việc hạnh kiểm của cháu Giang Thùy L, kết quả nội dung sau cuộc họp vào ngày 09/6/2018 tại Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An -

Đại học Tây Bắc thì cháu Giang Thùy L đã được nâng mức hạnh kiểm lên mức hạnh kiểm “Khá” và với mức hạnh kiểm này thì cháu L đã đủ điều kiện để được thi vào các trường THPT trên địa bàn thành phố Sơn La theo nguyện vọng gia đình ông Lương. Trong quá trình lập hợp đồng, các bên thuê dịch vụ và cho thuê dịch vụ đều đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự, nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ của mình, hợp đồng được lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không bị ai ép buộc, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật, do đó yêu cầu của nguyên đơn Công ty Luật Tài Trung đòi ông bà L– Hphải có nghĩa vụ, trách nhiệm thanh toán trả nốt số tiền 25.000.000,đ(Hai mươi lăm triệu đồng) còn lại là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn ông Lương cho rằng trong quá trình ký kết hợp đồng giữa hai bên đã thống nhất với các nội dung. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty LTT chỉ thực hiện được một phần là đòi lại hạnh kiểm cho cháu L, còn các nội dung khác thì chưa thực hiện. Gia đình đã thanh toán cho Công ty LTT số tiền 25.000.000,đ. Do Công ty LTT chưa hoàn thành hợp đồng nên gia đình ông không nhất trí thanh toán nốt số tiền 25.000.000,đ còn lại..”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong hợp đồng đã ký kết giữa hai bên thì ngoài việc yêu cầu Công ty Luật Tài Trung giải quyết để nâng hạnh kiểm của cháu L từ mức xếp loại “Trung bình” lên mức hạnh kiểm cao hơn thì không có các điều khoản, nội dung nào như trình bày của bị đơn, do đó việc bị đơn ông Lương cho rằng bên nguyên đơn chưa thực hiện đầy đủ hợp đồng là không có căn cứ, cần không chấp nhận ý kiến này của bị đơn.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi xuất do vi phạm nghĩa vụ chậm trả của số tiền 25.000.000,đ, tính từ ngày vi phạm 09/6/2018 đến ngày 09/6/2024(06 năm) với mức lãi xuất10%/năm là 15.000.000,đ (Mười lăm triệu đồng) tiền lãi xuất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi thực hiện xong hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 25.000.000,đ, số tiền 25.000.000,đ còn lại tính từ ngày 09/6/2018 đến nay bị đơn chưa thanh toán trả cho nguyên đơn. Trong hợp đồng đã ký kết giữa hai bên không thể hiện việc tính lãi xuất nhưng theo quy định tại điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*”. Theo đó bị đơn có vi phạm hợp đồng chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên nguyên đơn bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả, mà không phụ thuộc vào hợp đồng có quy định hay không.Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ chậm trả tiền nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 09/6/2018 đến 09/6/2024 là

$10\%/năm \times 06năm (72 tháng) \times 25.000.000,đ = 15.000.000,đ$ (Mười lăm triệu đồng).

Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định: “**Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.** 1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: “**Lãi suất.** 1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Do việc bị đơn ông bà L– Hvi phạm nghĩa vụ chậm trả tiền nên nguyên đơn Công ty Luật Tài Trung yêu cầu ông bà L– H phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi xuất của khoản tiền chậm trả kể từ ngày vi phạm 09/6/2018 đến ngày 09/6/2024 là có căn cứ, áp dụng quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ luật Dân sự, mức lãi xuất 20%/năm của khoản tiền vay = 1,66% trên tháng, việc có tranh chấp về lãi xuất thì lãi xuất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều 468 tại thời điểm trả nợ là 0,83%/tháng, do vậy số tiền lãi xuất chậm trả của khoản tiền 25.000.000,đ tính từ 09/6/2018 đến 09/6/2024 là 06 năm (72 tháng) $\times 0,83\% = 14.940.000,đ$ (Mười bốn triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng), cần chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán trả số lãi xuất chậm trả của số tiền còn lại chưa thanh toán 25.000.000,đ là số tiền lãi 14.940.000,đ (Mười bốn triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng).

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả số tiền thuế giá trị gia tăng (VAT) của số tiền theo hợp đồng 50.000.000,đ theo chính sách thuế hiện tại là 8% tính trên tổng giá trị của hợp đồng 50.000.000,đ là 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng). Bị đơn không nhất trí yêu cầu này của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Dịch vụ bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng của Công ty LTT thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và dịch vụ bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng của Công ty LTT thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 10%. Do vậy căn cứ trên hợp đồng và phụ lục hợp đồng

đã ký kết giữa hai bên nguyên đơn và bị đơn, yêu cầu trên của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận. Theo đơn khởi kiện và ý kiến của nguyên đơn tại phiên hòa giải yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gia tăng 10% của số tiền 50.000.000,đ là 5.000.000,đ, tuy nhiên tại văn bản số 3012/2023/CV-TT, ngày 30/12/2023 của Công ty LTT có yêu cầu ông Lương, bà Hưng phải thanh toán trả tiền thuế VAT theo chính sách thuế hiện tại là 8% tính trên tổng giá trị của hợp đồng 50.000.000,đ là 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng), việc thay đổi yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó cần buộc ông bà L– H phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Công ty LTT số tiền thuế giá trị gia tăng (VAT) là 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng).

[6] Về án phí: Cần áp dụng điều 24; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty LTT được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Giang Lê L, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điều 147, điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 116, điều 117, điều 118, điều 119, điều 280, điều 281, điều 357, điều 468, điều 513, điều 514, điều 515, điều 516, điều 517, điều 518, điều 519 của Bộ luật dân sự; điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số 01/2019/HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về lãi, lãi suất, lãi phạt. Án lệ số 08/2016/AL, ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Khoản 1 điều 24, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty LTT.
2. Buộc bị đơn ông Giang Lê L và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty LTT số tiền 43.940.000,đ (Bốn mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng), trong đó bao gồm số tiền còn lại là 25.000.000,đ (Hai mươi lăm triệu đồng), phải trả số tiền lãi xuất do vi phạm nghĩa vụ chậm trả kể từ ngày 09/6/2018 đến 09/6/2024 là 14.940.000,đ (Mười bốn triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng) và thuế giá trị gia tăng (VAT) là 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày 10/6/2024, ông Giang Lê L và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục trả khoản lãi xuất chậm trả cho Công ty LTT đối với khoản tiền 25.000.000,đ (Hai mươi lăm triệu đồng) theo quy định, trừ trường hợp giữa hai bên có thỏa

thuận khác hoặc đã thanh toán xong.

3. *Về án phí:* Buộc bị đơn ông Giang Lê L và bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.197.000,đ (Hai triệu, một trăm chín mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty LTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000,đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng), theo biên lai thu số 0002524, ngày 22/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty LTT, bị đơn ông Giang Lê L và bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. *Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La (2);
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Lương Anh